

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 655/2019/DS-PT

Ngày 18 - 12 - 2019

V/v Tranh chấp đòi tài sản là giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ dân sự; yêu cầu thu hồi giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh;

Ông Hoàng Thanh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
554/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp đòi tài sản là
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự; yêu cầu
thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019
của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3279/2019/QĐ-PT
ngày 25 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Hồng H, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 133/10 X, Phường X17, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Hiền Đ, sinh
năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: số 53/34/7, đường B, Phường X13, quận B, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Phạm Ngọc
Diễm H1 - Công ty Luật hợp danh S - Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có
mặt)

Địa chỉ: Số 72/1 P, Phường X6, Quận X3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: ông Hồ Hữu P, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: số 76 T, Phường X4, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 27 N, Khu phố X4, Phường X10, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/. Bà Lê Thị B, sinh năm 1936 (vắng mặt)

Địa chỉ: CANADA.

Đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Hồ Hữu P, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: số 76 T, Phường X4, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 27 N, Khu phố X4, Phường X10, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B: Luật sư Nguyễn Anh T1 - Văn phòng Luật sư Nguyễn Anh T1 - Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)

2/. Ông Hồ Hữu P, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: số 76 T, Phường X4, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 27 N, Khu phố X4, Phường X10, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/. Ông Nguyễn Tài H2, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 133/10 X, Phường X17, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hiển Đ, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: số 53/34/7, đường B, Phường X13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Anh Hồ Hữu P1, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: số 76 T, Phường X4, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5/. Bà Hồ Thị Hồng H3, sinh năm 1966 (vắng mặt)

6/. Bà Hồ Thị Hồng H4, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà H4, bà H3: Ông Hồ Hữu P2, sinh năm 1970 (có mặt)

7/. Ông Hồ Hữu P2, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: số 27 N, Khu phố X4, Phường X10, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

8/. Bà Hồ Thị Hồng H5, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

9/. Ông Hồ Hữu P3, sinh năm 1960.

Địa chỉ: CANADA.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phước: Ông Hồ Hữu P, sinh năm 1964 và Hồ Hữu P2, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: số 27 N, Khu phố X4, Phường X10, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

10/. Ủy ban nhân dân Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C5. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố M. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 36 H, Phường X7, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị B (có ông Hồ Hữu P đại diện theo ủy quyền), ông Hồ Hữu P2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng H trình bày:

Bà H được Ủy ban nhân dân Thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068 ngày 15/12/1997 đối với phần đất có tổng diện tích 7.904m² gồm các thửa: Thửa 863 diện tích 214m² và thửa 868 diện tích 7.690m² tọa lạc tại ấp 4, xã T, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Khu phố 4, Phường X10, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

Trước đây do có nhu cầu về giấy tờ đất đai nên ông P có giữ hộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của bà H. Sau đó, bà H có đòi lại nhưng ông P không chịu trả, bà H có nhiều lần nhờ Công an Phường X10, Thành phố M giải quyết để đòi lại nhưng ông P vẫn không trả. Việc chiếm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là xâm phạm về quyền tài sản của bà H.

Bà H yêu cầu Tòa án buộc ông Hồ Hữu P giao trả cho bà H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068 ngày 15/12/1997 do Ủy ban nhân dân Thành phố M cấp cho bà H.

Bị đơn ông Hồ Hữu P trình bày:

Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068 ngày 15/12/1997 do Ủy ban nhân dân Thành phố M cấp cho bà H hiện nay bà Lê Thị B đang giữ. Lý do, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên có liên quan đến giấy cam kết của bà Hồ Thị Hồng H và ông Nguyễn Tài H2 ngày 20/12/2004 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Tiền Giang. Nội dung:

- Nguồn gốc đất: Của cha mẹ là ông Hồ Văn K2 và bà Lê Thị B.

- Giữ gìn để chia cho các em mỗi người một phần sử dụng, làm tài sản riêng.

Thực tế, phần đất tổng diện tích 7.904m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đã được phân chia cho các em của bà H quản lý canh tác và làm nghĩa vụ thuế Nhà nước, cụ thể:

- Hồ Hữu P 700m²;
- Hồ Hữu P1 900m²;
- Hồ Thị Hồng H3 700m²;
- Hồ Thị Hồng H4 700m²;
- Hồ Thị Hồng H5 150m²;
- Hồ Hữu P2 700m².
- Vợ chồng Hồ Thị Hồng H được giữ lại diện tích đất 1.000m².

Tuy nhiên, bà Hồ Thị Hồng H không chịu tách bộ sang tên cho các em. Do đó, mẹ của ông là bà Lê Thị B giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà B sẽ về Việt Nam để chủ trì việc thực hiện cam kết của bà Hồ Thị Hồng H và ông Nguyễn Tài H2. Do ông không có giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H nên đối với yêu cầu khởi kiện của bà H ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B có đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Hữu P trình bày:

- Yêu cầu bà Hồ Thị Hồng H thực hiện nghĩa vụ dân sự theo thỏa thuận ngày 31/01/2001 và cam kết ngày 20/12/2004.

Giấy thỏa thuận ngày 31/01/2001 giữa vợ chồng bà B và vợ chồng bà H có nội dung:

+ Diện tích 7.904m², vợ chồng bà H chỉ đứng tên thay vợ chồng bà B;
+ Vợ chồng bà H được chia 1.000m² đất; diện tích còn lại chia đều cho các con.

+ Khi có yêu cầu vợ chồng bà H phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho những người được chia, mà không đòi hỏi một điều kiện nào.

Giấy cam kết ngày 20/12/2004 của vợ chồng bà H có nội dung:

+ Nguồn gốc đất của cha, mẹ là ông Hồ Văn K2 và bà Lê Thị B.
+ Giữ gìn để chia cho các em mỗi người 01 phần sử dụng, làm tài sản riêng.

Thực tế, đã phân chia cho các em bà H quản lý, canh tác và làm nghĩa vụ thuế cho Nhà nước. Tuy nhiên, việc tách bộ sang tên cho các em thì chưa thực hiện.

Do đó, bà B yêu cầu vợ chồng bà H có trách nhiệm tách bộ, chuyển quyền sử dụng đất cho các em đã được phân chia. Đây là nghĩa vụ dân sự mà vợ chồng bà H có trách nhiệm thực hiện theo thỏa thuận ngày 31/01/2001 và giấy cam kết ngày 20/12/2004.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố M thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSĐĐ/UB ngày 15/12/1997, cấp cho bà Hồ Thị Hồng H, đồng thời cấp lại cho đúng hiện trạng đang sử dụng đất.

Ngày 15/12/1997, Ủy ban nhân dân Thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068 cho bà Hồ Thị Hồng H, đối với diện tích đất 7.904m² gồm thửa 15A diện tích 214m² và thửa 46 diện tích 7.690m² tọa lạc tại ấp 4, xã T (nay là khu phố X4, Phường X10, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

Từ ngày 15/12/1997 đến nay, đã 22 năm, gia đình bà H không một ngày quản lý canh tác phần đất đã được cấp giấy chứng nhận. Thực tế, các em bà H quản lý canh tác và làm nghĩa vụ nộp thuế.

Vợ chồng bà H đã thay mặt cha, mẹ phân chia đất cho các em quản lý canh tác. Nhưng không chịu tách bộ sang tên chuyển quyền sử dụng đất cho các em theo thỏa thuận ngày 31/01/2001 và cam kết ngày 20/12/2004.

Do đó, bà B kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố M thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Hồ Thị Hồng H.

Lý do, đất không được bà H sử dụng trong thời hạn 18 tháng liền. Đất không được giao đúng đối tượng trực tiếp canh tác.

Cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng đối tượng sử dụng đất và đúng hiện trạng sử dụng đất hiện nay.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Hữu P, Hồ Hữu P1, Hồ Thị Hồng H3, Hồ Thị Hồng H4, Hồ Thị Hồng H5, Hồ Hữu P2, Hồ Hữu P3 trình bày:

Thông nhất với ý kiến của bà Lê Thị B. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H các ông, bà không đồng ý. Các ông bà không yêu cầu độc lập yêu cầu nhận đất theo văn bản cam kết ngày 20/12/2004. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 02/5/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tài H2 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hồng H và đề nghị Tòa án không mời ông tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại văn bản số 7742/UBND-TN&MT ngày 28/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Thành phố M trình bày:

Liên quan đến nội dung bà Lê Thị B yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068 QSĐĐ/UB ngày 15/12/1997 cấp cho bà Hồ Thị Hồng H, qua kiểm tra hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố M trích lục cung cấp, phần đất tọa lạc ấp 4, xã T nay là khu phố X4, Phường X10, Thành phố M có nguồn gốc gồm 02 phần:

- Phần diện tích 214,3m² thuộc thửa đất số 15A, tờ bản đồ 868 do bà Hồ Thị Hồng H nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn L6 từ năm 1993 theo Tờ trình số 345/QLRĐ ngày 22/4/1993 của phòng Kinh tế thành phố đã được Ủy ban nhân dân Thành phố M duyệt số 876/UB ngày 19/5/1993.

- Theo đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/11/1996, phần diện tích 7.690m² thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 868 do cha mẹ bà Hồ Thị Hồng H cho bà H để lại sử dụng.

Đến ngày 15/12/1997, bà Hồ Thị Hồng H đã được Ủy ban nhân dân Thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích nêu trên. Việc Ủy ban nhân dân Thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị Hồng H đối với phần diện tích đất bà H đang sử dụng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật đất đai năm 1993: “Người sử dụng đất có quyền được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 14, Điều 115, Điều 281 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 14, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hồng H yêu cầu ông Hồ Hữu P trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068 ngày 15/12/1997 do Ủy ban nhân dân Thành phố M cấp cho bà Hồ Thị Hồng H.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị B yêu cầu bà Hồ Thị Hồng H thực hiện nghĩa vụ dân sự theo thỏa thuận ngày 31/01/2001 và giấy cam kết ngày 20/12/2004.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị B về việc kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố M thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSĐĐ/UB ngày 15/12/1997, cấp cho bà Hồ Thị Hồng H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 09/9/2019, bà Lê Thị B (có ông Hồ Hữu P đại diện theo ủy quyền) và ông Hồ Hữu P2 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ Hữu P đại diện cho bà Lê Thị B và ông Hồ Hữu P2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của bà B, buộc nguyên đơn bà Hồ Thị

Hồng H thực hiện nghĩa vụ dân sự theo cam kết ngày 31/01/2001 và 20/12/2004; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị B và ông Hồ Hữu P2; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Kháng cáo của bà Lê Thị B (có ông Hồ Hữu P đại diện theo ủy quyền) và ông Hồ Hữu P2 là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị B (có ông Hồ Hữu P đại diện theo ủy quyền) và ông Hồ Hữu P2 làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu ông Hồ Hữu P phải trả cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068 do UBND Thành phố M cấp cho bà H ngày 15/12/1997. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc bà H phải thực hiện nghĩa vụ dân sự theo giấy thỏa thuận ngày 31/01/2001 giữa vợ chồng bà H và vợ chồng bà B, giấy cam kết ngày 20/12/2004 của bà H; hủy giấy chứng nhận đã cấp cho bà H nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hồng H và yêu cầu độc lập của bà Lê Thị B là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bởi lẽ:

[2.1] Ông Hồ Hữu P không thừa nhận mình đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068 do UBND Thành phố M cấp cho bà H ngày 15/12/1997. Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông P hiện đang giữ tài liệu này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông P phải giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[2.2] Bà Lê Thị B cho rằng quyền sử dụng diện tích đất 7.904m² là tài sản của bà và chồng là ông Hồ Văn K2; được chia đều cho các con sử dụng nhưng để bà H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H đã thực hiện giấy thỏa thuận ngày 31/01/2001 và giấy cam kết ngày 20/12/2004 thừa nhận

diện tích đất 7.904m² là tài sản của ông K2, bà B; bà H đồng ý làm thủ tục sang tên cho các em theo thực tế sử dụng. Do đó, bà B yêu cầu bà H thực hiện cam kết và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H.

Việc bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được bà B và các con của bà B thống nhất đồng ý. UBND Thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Trong vụ án này các bên đương sự không có yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà H, không yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất theo thực tế sử dụng như phía ông P, bà Bà, ông P2 trình bày. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị B là phù hợp với quy định pháp luật. Các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để giải quyết tranh chấp đất đai và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị B (có ông Hồ Hữu P đại diện theo ủy quyền) và ông Hồ Hữu P2. Tuy nhiên, do bà Lê Thị B là người cao tuổi, được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hồ Hữu P2 phải chịu án phí phúc thẩm. Bà Lê Thị B được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị B (có ông Hồ Hữu P đại diện theo ủy quyền) và ông Hồ Hữu P2.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về phần án phí sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hồng H yêu cầu ông Hồ Hữu P trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068 ngày 15/12/1997 do Ủy ban nhân dân Thành phố M cấp cho bà Hồ Thị Hồng H.

2/. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị B yêu cầu bà Hồ Thị Hồng H thực hiện nghĩa vụ dân sự theo thỏa thuận ngày 31/01/2001 và giấy cam kết ngày 20/12/2004.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị B về việc kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố M thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSDD/UB ngày 15/12/1997, cấp cho bà Hồ Thị Hồng H.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 31697 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M. Bà H đã thực hiện xong.

Hoàn lại cho bà Lê Thị B 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00514 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M.

4/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Hữu P2 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông P2 đã nộp theo biên lai thu số 0001087 ngày 10/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang. Ông P2 đã thực hiện xong.

Hoàn lại cho bà Lê Thị B 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001083 ngày 09/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang (1);
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang (1);
- Đương sự (12);
- Lưu VP(3), HS(2).22b.TTKY.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười

